

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai và Chánh văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, chi tiết tại các Phụ lục số I, II, III, IV, V và VI kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nội dung công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế các nội dung thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2017 và Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường: các Thứ trưởng, các Vụ, Văn phòng Bộ, Công thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, VP (TH), TCQLĐĐ(CSPC) O.




BỘ TRƯỞNG



Trần Hồng Hà

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

1.1. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Cảng vụ hàng không

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
1	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất tại cảng hàng không, sân bay dân dụng	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020	Cảng vụ hàng không
2	Thu hồi đất do vi phạm pháp luật tại cảng hàng không, sân bay dân dụng	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020	Cảng vụ hàng không
3	Giao đất, cho thuê đất tại cảng hàng không, sân bay dân dụng	(1) Luật số Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020	Cảng vụ hàng không
4	Gia hạn cho thuê đất tại cảng hàng không, sân bay dân dụng	(1) Luật Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020	Cảng vụ hàng không

1.2. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
1	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

2.1. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	SỐ HỒ SƠ TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
1	1.000732	Cấp, cấp đổi, cấp lại chứng chỉ định giá đất	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (5) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021	Bộ Tài nguyên và Môi trường

2.2. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh

TT	SỐ HỒ SƠ TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
1	1.003010	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017	Sở Tài nguyên và Môi trường

A. Trường hợp đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai

2	1.005398	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
---	----------	-----------------------------------	---	--

			<p>(5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p>	
3	1.004238	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017</p> <p>(4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i></p> <p>(5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(6) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i></p>	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
4	1.004227	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017</p> <p>(4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i></p> <p>(5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p> <p>(7) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i></p>	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
5	1.004221	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017</p> <p>(4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i></p> <p>(5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(6) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i></p>	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

6	1.004203	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i> (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (7) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i></p>	Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
7	1.004199	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i> (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	1.004193	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i> (5) Thông tư số 02/2014/T-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p>	(1) UBND cấp tỉnh (2) UBND cấp huyện (3) Sở Tài nguyên và Môi trường
9	1.003003	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i></p>	UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện

			<p>(5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014</p> <p>(6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015</p> <p>(9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p>	
10	2.000983	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</p> <p>(5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014</p> <p>(6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015</p> <p>(9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p>	UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện
11	1.002255	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</p> <p>(5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014</p> <p>(6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015</p>	UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện

12	2.000976	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường
13	1.002273	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 (4) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (5) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (6) Thông tư số 02/2014/T-BTC ngày 02/01/2014 (7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường
14	1.002993	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

			<p>BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015</p> <p>(9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</p>	
15	2.000889	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp <i>chuyển đổi</i>, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</p> <p>(5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014</p> <p>(6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015</p> <p>(9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.</p> <p>(10) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</p>
16	1.001991	<p>Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</p> <p>(5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014</p> <p>(6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p>	<p>UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</p>
17	2.000880	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</p>	<p>UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi</p>

		liên với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	(5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (10) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021	nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
18	1.001134	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021	UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện
19	1.005194	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015	Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

20	1.001980	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</p>	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
21	1.001009	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai
22	1.001990	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (7) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</p>	Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

23	1.004206	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017</p> <p>(4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i></p> <p>(5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p> <p>(7) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i></p>	Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
24	1.004217	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017</p> <p>(4) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(5) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p> <p>(6) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i></p>	Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai
B. Trường hợp chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai				
2	1.003078	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017</p> <p>(4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i></p> <p>(5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(6) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i></p>	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh
3	1.003069	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017</p> <p>(4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i></p>	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh

		lờ tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	(5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (7) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT</i> ngày 30/6/2021	
4	1.000818	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP</i> ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT</i> ngày 30/6/2021	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh
5	1.003036	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 (4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP</i> ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (7) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT</i> ngày 30/6/2021	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh
6	2.000946	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 (4) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (5) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP</i> ngày 18/12/2020 (6) Thông tư số 02/2014/T-BTC ngày 02/01/2014 (7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014	Sở Tài nguyên và Môi trường

7	1.003895	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i> (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (9) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i></p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường</p>
8	1.003653	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i> (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (10) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i></p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh đối với trường hợp xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận</p>
9	1.002082	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i></p>	<p>UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử</p>

		liên với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức (trừ doanh nghiệp); thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	(5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014. (7) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015. (8) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014. (9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (10) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021	dụng đất cấp tỉnh
10	1.002054	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
11	1.001980	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (9) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/202126476	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh

12	1.004217	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017</p> <p>(4) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(5) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p> <p>(6) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh</p>
----	----------	--	---	--

2.3. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện

TT	SỐ HỒ SƠ TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
1	2.001234	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i> (5) Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 (6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017	Phòng Tài nguyên và Môi trường
2	1.003886	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i>	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện
3	1.003877	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Thông tư số 02/2014/T-BTC ngày 02/01/2014 (5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i>	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện

4	1.003855	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Thông tư số 02/2014/T-BTC ngày 02/01/2014 (5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</p>	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện
5	1.003000	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Thông tư số 02/2014/T-BTC ngày 02/01/2014 (5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</p>	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện
6	1.002335	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p>	UBND cấp huyện

7	1.002291	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015</p>	UBND cấp huyện
8	1.002277	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015</p>	UBND cấp huyện
9	2.000955	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 (4) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (5) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 (6) Thông tư số 02/2014/T-BTC ngày 02/01/2014 (7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p>	UBND cấp huyện

10	1.003907	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (5) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i></p>	<p>UBND cấp huyện</p>
11	2.000365	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (9) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i></p>	<p>UBND cấp huyện hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện</p>
12	2.000410	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp <i>chuyển đổi</i>, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tặng thêm diện</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p>	<p>UBND cấp huyện hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện</p>

		tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	(9) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i>	
13	1.000755	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i>	UBND cấp huyện
14	1.003595	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (5) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (6) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) <i>Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</i>	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện

2.4. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã

TT	SỐ HỒ SƠ TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
1	1.003554	Hòa giải tranh chấp đất đai	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i>	UBND cấp xã

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

T T	SỐ HỒ SƠ TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ	TÊN VBQPPL QUY ĐỊNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	LĨNH VỰC	CƠ QUAN THỰC HIỆN
1. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện						
1	1.002314	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tăng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận	<i>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu</i>	(1) Luật Đất đai năm 2013 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (4) <i>Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</i> (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 (6) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (7) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 (8) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 (9) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017	Đất đai	UBND cấp huyện

2	1.003572	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện "dồn điền đổi thửa" (đồng loạt)	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017</p> <p>(4) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</p> <p>(5) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(6) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</p> <p>(7) Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021</p>	Đất đai	UBND cấp huyện
---	----------	---	--	--	---------	----------------